TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-PT
Ngày 16-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Anh Ửng

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh H2 – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 05-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 212/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Đồng Minh H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện R, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn K, huyện R, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Đình H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn K, huyện R, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

- Anh Lê Văn S, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn K, huyện R, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

- Anh Trần Công M, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện R, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Bá H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 04-8-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng L trình bày: Anh Nguyễn Hồng L và chị Lê Thị Hoài N, sinh năm 1973 đã ly hôn ngày 09-8-2022 nên khoản nợ của anh Nguyễn Bá H không liên quan đến chị N. Ngày 07-7-2022, anh H mượn của anh L số tiền 160.000.000 đồng, hẹn 06 tháng sẽ trả; khi mượn tiền các bên không thỏa thuận lãi suất. Đồng thời, từ ngày 07-7-2022 đến ngày 06-7-2023, anh L có làm công cho anh H và anh H nợ 43.000.000 đồng. Anh L yêu cầu nhiều lần nhưng anh H không trả khoản nợ 160.000.000 đồng vay ngày 07-7-2022 và tiền làm công 43.000.000 đồng. Vì vậy, anh L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H trả số tiền vay 160.000.000 đồng và lãi suất mức 0,83%/tháng kể từ ngày 08-01-2023 đến khi trả nợ xong và tiền làm công chưa trả là 43.000.000 đồng.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Bá H trình bày: Vợ anh H là chị Nguyễn Thị H1 sinh năm 1983, khoản nợ đang tranh chấp với anh L không liên quan gì đến chị H1. Ngày 15-6-2022, anh H nghe anh L nói anh Nguyễn Đình H2 có bán hệ thống phun sơn tĩnh điện và máy móc thiết bị làm cơ khí. Ngày 16-6-2022, anh L nói anh H2 bán giá 350.000.000 đồng; anh H có hỏi nếu mua thì anh L có làm công cho anh H không, thì anh L đồng ý vì anh L không có tiền mua. Chiều ngày 16-6-2022, anh H2 cần tiền nên anh H chuyển trước cho anh H2 số tiền 150.000.000 đồng. Đầu tháng 7/2022, anh H2 hỏi tiền nên anh L nói nếu không có thì anh L cho mượn vì anh H2 còn nợ tiền công chưa thanh toán, lúc này anh H có nói vậy viết giấy nhận nợ số tiền 160.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán cho anh H2 sau. Trong ngày 07-7-2022, anh H đã chuyển đủ số tiền 40.000.000 đồng cho anh H2. Sau đó anh H mới biết anh H2 không nợ anh L 160.000.000 đồng; anh H có thương lượng lại và thỏa thuận số tiền mua máy móc 210.000.000 đồng chứ không phải 350.000.000 đồng như anh L nói. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của anh L về khoản tiền vay 160.000.000 đồng vào ngày 07-7-2022 thì anh L không đồng ý; đối với giấy nhận nợ ngày 07-07-2022 anh H thừa nhận chữ viết và chữ ký là của anh H nhưng do tin tưởng anh L giới thiệu mua máy của anh H2 350.000.000 đồng, anh H đã trả trực tiếp cho anh H2 150.000.000 đồng và chuyển khoản cho anh H2 40.000.000 đồng, còn nợ số tiền 160.000.000 đồng nên ký nhận nợ với anh L, anh H xác định không mượn tiền anh L. Anh H thừa nhận từ ngày 07-7-2022 đến ngày 06-7-2023, anh L làm công cho anh H và anh H còn nợ anh L tiền công 43.000.000 đồng là đúng, anh H sẽ trả anh L số tiền này.

3. Người làm chứng trình bày:

3.1. Anh Lê Văn S, anh Trần Minh Công trình bày: Anh S và anh C có chứng kiến từ ngày 07-7-2022 đến ngày 06-7-2023, anh L làm công cho anh H và anh H còn nợ anh L số tiền 43.000.000 đồng. Đối số tiền 160.000.000 đồng các bên nhận nợ với nhau ngày 07-7-2022 thì không chứng kiến.

3.2. Anh Nguyễn Đình H2 trình bày: Tháng 6/2022, anh H2 có bán 01 hệ thống phun sơn tĩnh điện cho anh H với giá là 210.000.000 đồng. Anh H2 đã nhận đủ số tiền 210.000.000 đồng. Đối với nội dung ký làm chứng trong giấy nhận nợ giữa anh L với anh H ngày 07-7-2022 về số tiền 160.000.000 đồng là đúng chữ ký của anh H2, anh H nói mượn tiền anh L để trả nợ cho anh H2, hai bên có yêu cầu nên anh H2 ký làm chứng, còn việc các bên có giao nhận tiền hay không thì anh H2 không biết. Trong đơn anh H trình bày anh H2 có nợ anh

L số tiền 160.000.000 đồng là không đúng sự thật, anh H2 không nợ tiền anh L.

4. Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 05-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hồng L đối với bị đơn anh Nguyễn Bá H. Buộc anh Nguyễn Bá H phải trả cho anh Nguyễn Hồng L tổng cộng số tiền là 213.535.000đ (*hai trăm mười ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tiền công là 43.000.000 đồng, tiền gốc vay là 160.000.000 đồng và tiền lãi là 10.535.000 đồng. Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

5. Ngày 08-9-2023, Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Bá H, nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay 160.000.000 đồng và tiền lãi; Tòa án xem xét hành vi anh L khai đưa tiền mặt 160.000.000 đồng cho anh H là không có thật, anh L cố ý vu khống, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản; xem xét theo Điều 127 của Bộ luật Dân sự về giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại về danh dự, uy tín, danh dự, nhân phẩm cho bị đơn.

6. Tại phiên toà phúc thẩm:

6.1. Chị H xác nhận anh L và anh H lập giấy nhận nợ số tiền 160.000.000 đồng có anh H2 ký làm chứng, tại thời điểm lập giấy này hai bên chưa thực hiện việc giao nhận tiền, việc giao nhận tiền thực hiện sau thời điểm viết giấy nhận nợ tại xưởng, không có ai làm chứng (đây là nội dung đã được chị H gọi điện thoại di động xác nhận với anh L).

6.2. Anh H khẳng định mình chưa nhận số tiền 160.000.000 đồng từ anh L và đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của anh.

6.3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc xác định quan hệ tranh chấp đối với số tiền 43.000.000 đồng, vì đây là tranh chấp thuê, khoán, không phải tranh chấp kiện đòi tài sản. Đối với nội dung kháng cáo của anh H có căn cứ xác định anh H không vay tiền của anh L. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh H, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận phần khởi kiện của anh L về việc buộc anh H phải trả 160.000.000 đồng tiền gốc và 10.535.000 đồng tiền lãi; sửa án phí sơ thẩm buộc anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Do kháng cáo được chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về đơn kháng cáo: Bản án sơ thẩm xét xử ngày 05-9-2023, bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm; ngày 08-9-2023, Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông nhận được đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn kháng cáo theo quy định pháp luật; bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ, thuộc trường hợp Tòa án phúc thẩm giải quyết.

[2]. Về thẩm quyền: Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp thuộc trường hợp Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông giải quyết.

[3]. Về nội dung kháng cáo:

[3.1]. Đối với các nội dung Tòa án xem xét hành vi anh L khai đưa tiền mặt 160.000.000 đồng cho anh H là không có thật, anh L cố ý vu khống, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản; xem xét theo Điều 127 của Bộ luật Dân sự về giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại về danh dự, uy tín, danh dự, nhân phẩm cho bị đơn là vượt quá phạm vi kháng cáo nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[3.2]. Đối với nội dung đề nghị không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay 160.000.000 đồng và tiền lãi: Qua lời khai của các đương sự xác định khi viết giấy nhận nợ có mặt của anh L, anh H và anh H2 nhưng không có việc giao nhận tiền tại thời điểm viết giấy. Anh L cho rằng việc giao tiền diễn ra tại một địa điểm khác cùng ngày và không có người làm chứng (*chị H đã xác nhận với anh L thông qua điện thoại di động tại phiên tòa phúc thẩm*), đồng thời, anh L không có chứng cứ khác để chứng minh việc giao tiền cho anh H. Vì vậy, có căn cứ xác định anh L chưa giao số tiền này cho anh H. Đồng thời, anh L khai anh H mượn tiền để trả tiền mua máy sơn tĩnh điện cho anh H2 nhưng thực tế anh H2 bán máy cho anh H giá 210.000.000 đồng, anh H trả 150.000.000 đồng ngày 16-6-2022 (trước ngày lập giấy nhận nợ) và 40.000.000 đồng ngày 07-7-2022 (ngày lập giấy nhận nợ). Như vậy, lời khai của anh L không khớp với lời khai của anh H2, anh H về số tiền anh H trả cho anh H2 cùng thời điểm ngày 07-7-2022, số tiền mua máy của anh H2 nên yêu cầu khởi kiện của anh L đối với anh H về số tiền vay 160.000.000 đồng và tiền lãi là không có căn cứ. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh H, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L yêu cầu Tòa án buộc anh H phải trả 160.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 08-01-2023 đến khi trả nợ xong. Do sửa bản án sơ thẩm nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm đúng quy định pháp luật.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh H không phải chịu án phí phúc thẩm; trả lại cho anh H số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Bá H, sửa một phần Bản án dân sự

sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 05-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông:

1.1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự, tuyên xử:

1.1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng L đối với anh Nguyễn Bá H: Buộc anh Nguyễn Bá H phải trả cho anh Nguyễn Hồng L số tiền công là 43.000.000đ (*Bốn mươi ba triệu đồng*).

1.1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng L đối với anh Nguyễn Bá H về số tiền vay 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 08-01-2023 đến khi trả nợ xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1.2.1. Buộc anh Nguyễn Bá H phải chịu 2.150.000đ (*Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

1.2.2. Buộc anh Nguyễn Hồng L phải chịu 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 5.275.000đ (*Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số: 0005474 ngày 04-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Đăk Nông; anh L còn phải chịu 2.725.000đ (*Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Trả lại cho anh Nguyễn Bá H 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số: 0005511 ngày 20-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Đăk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đăk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đăk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương